TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 45/2019/HNGĐ-PT

Ngày 13/03/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hồng**

Các thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Hà**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đinh Thúy Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Thắng** - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 83/2018/HNGĐ-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXX ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc " Tranh chấp ly hôn" giữa:

1. **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Thanh P; sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

2. **Bị đơn**: Anh Phùng Văn C; sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Chị P, anh C có mặt tại phiên tòa)

Anh Phùng Văn C là bị đơn kháng cáo

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau**:*

Chị Nguyễn Thị Thanh P và anh Phùng Văn C có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 23/02/2010 tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi tổ chức kết hôn anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C tại thôn C, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2017 và kéo dài căng thẳng cho đến tháng 4/2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình mâu thuẫn, thỉnh thoảng vợ chồng lại xảy ra xô sát, lăng nhục xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Chị P xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn và xin được ly hôn anh Phùng Văn C. Anh C cũng công nhận không còn tình cảm vợ chồng với Chị P và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị P, anh C có 02 con chung là Phùng Văn K, sinh ngày 13/02/2011 và Phùng Khánh N, sinh ngày 05/10/2015.Ly hôn, Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phùng Khánh N và đề nghị giao cho anh C nuôi cháu Phùng Văn K. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh C không đồng ý và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu Chị P cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại Chị P làm thủ kho cho Công ty tư nhân ở xã T, B có thu nhập bình quân 8.000.000/tháng; Anh C làm việc tại Của hàng xe đạp điện có thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có.

Về án phí: Chị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí LHST.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 83/2018/HNGĐ-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B xử cho Chị P được ly hôn với anh C; Anh chị có hai con chung

là Phùng Văn K, sinh ngày 13/02/2011 và Phùng Khánh N, sinh ngày 05/10/2015. Giao cho Chị P được tiếp tục nuôi cháu Phùng Khánh N; Giao cho anh C tiếp tục nuôi cháu Phùng Văn K cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Chị P, anh C cho đến khi có yêu cầu khác. Anh, chị được đi lại thăm hỏi

chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có

Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

Ngày 10/12/2018, anh C có đơn kháng cáo về quyền nuôi con, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cả hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghi Tòa án cấp phúc thẩm giao cả hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng với lý do anh cho rằng Chị P không đủ điều kiện và tư cách để nuôi con.

Chị P và trình bày hiện nay cháu N đang được ăn ở sinh hoạt ổn định và đầy đủ cùng với chị tại nhà ông bà ngoại. Chị hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi con nên không đồng ý chấp nhận yêu cầu của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. *Về nội dung vụ án:* Căn cứ về điều kiện và hoàn cảnh nuôi con của Chị P, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh C trong thời hạn kháng cáo và đã nộp án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của anh C: Anh C đề nghị được nuôi cả hai con chung vì cho rằng Chị P không đủ điều kiện để nuôi con do có thu nhập thấp, không ổn định và thiếu trách nhiệm về việc nuôi dạy con.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bên đương sự và tài liệu Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như tài liệu do các bên đương sự cung cấp thể hiện: Chị P và anh C có hai con chung, cháu lớn là Phùng Văn K, sinh ngày 13/02/2011,

cháu nhỏ là Phùng Khánh N, sinh ngày 05/10/2015. Xét Chị P anh C đều có điều kiện về chỗ ở và thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con chung. Hiện nay Chị P đang làm thủ kho tại Công ty TNHH Thương mại tổng hợp B, có mức lương ổn định là 8.000.000 /tháng, về nhà ở chị được bố mẹ đẻ cho ở cùng. Hơn nữa cháu N là con gái còn nhỏ rất cần sự chăm sóc cẩn thận của người mẹ. Vì vậy, tòa sơ thẩm giao cho Chị P nuôi cháu Phùng Khánh N và anh C nuôi cháu Phùng Văn K là có căn cứ đảm bảo điều kiện nuôi con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và quy định của của pháp luật. Do mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Vì vậy yêu cầu kháng cáo của anh C đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung không được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm cả hai anh chị đều xác định không có.

Sửa về cách tuyên án về phần cấp dưỡng nuôi con và phần tài sản.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh P đối với anh Phùng Văn C. Chị Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn anh Phùng Văn C.

2. Về con chung: Xác định Chị P, anh C có 02 con chung là Phùng Văn K, sinh ngày 13/02/2011 và Phùng Khánh N, sinh ngày 05/10/2015. Giao cho Chị P được trực

tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Khánh N; Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Văn K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị P, anh C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí LHST. Khấu trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí Chị P đã nộp tại biên lai số: 0008898 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án huyện B, thành phố Hà Nội. Chị P đã nộp đủ án phí.

Anh C phải chịu 300.000(Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000(Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh C đã nộp tại biên lai số: 0008947 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện B, thành phố Hà Nội. Anh C đã nộp đủ án phí

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 03 năm 2019.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Lưu VP, HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hồng